

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC LÂM

NỘI DUNG ÔN TẬP HÈ – KHỐI 4

NĂM HỌC 2024 – 2025

(Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

MÔN TOÁN

CHỦ ĐỀ 1. SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ. CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Nhân với 10, 100, 1000, Chia cho 10, 100, 1000, ...

- Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.

Ví dụ: $48 \times 1\,000 = 48\,000$

- Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn ... cho 10, 100, 1000... ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba, ... chữ số 0 ở bên phải số đó.

Ví dụ: $300\,100 : 100 = 3\,001$

2. Tính chất giao hoán của phép cộng : $a + b = b + a$

Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

Ví dụ: $67 + 293 = 293 + 67$

3. Tính chất kết hợp của phép cộng : $(a + b) + c = a + (b + c)$

Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

Ví dụ: $(121 + 2005) + 879 = (121 + 879) + 2005 = 1000 + 2005 = 3005$

4. Tính chất giao hoán của phép nhân : $a \times b = b \times a$

Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.

Ví dụ: $26 \times 325 = 325 \times 26$

5. Tính chất kết hợp của phép nhân: $a \times b \times c = (a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

Khi nhân một tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

Ví dụ: $(26 \times 5) \times 2 = 26 \times (5 \times 2) = 26 \times 10 = 260$

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $25783 + 31195$ b) $102577 + 65832$ c) $45272 - 23168$ d) $526734 - 34170$

Câu 2. Đặt tính rồi tính:

a) 8245×8 b) 6×2369 c) $28584 : 6$ d) $115947 : 9$

Câu 3. Đặt tính rồi tính:

a) 135×16 b) 406×45 c) $63802 : 38$ d) $17408 : 34$

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $67\ 000 : \dots = 670$

b) $156 \times \dots = 15\ 600$

c) $906\ 000 : \dots = 906$

d) $\dots \times 100 = 789\ 000$

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $67\ 851 + 58\ 952 - 8\ 952 - 7\ 851$

b) $85\ 471 + 67\ 895 + 14\ 529 + 32\ 105$

Câu 6. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $3727 + 2540 + 1273$

b) $25 \times 8346 \times 4$

c) $123 \times 14 + 123 \times 86$

d) $92 \times 1024 - 24 \times 92$

Câu 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $195 \times 96 + 3 \times 195 + 195$

c) $48 \times 21 + 68 \times 48 + 48 \times 11$

b) $4\ 200 : 21 + 16\ 800 : 21$

d) $84\ 56 : 6 - 24\ 456 : 6$

CHỦ ĐỀ 2. CÁC ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Đơn vị đo khối lượng

Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng những đơn vị: yến, tạ, tấn.

1 yến = 10kg

1 tạ = 10 yến = 100 kg

1 tấn = 10 tạ = 1 000

kg

2. Đơn vị đo thời gian

1 thế kỉ = 100 năm

1 năm = 12 tháng

1 năm thường =

365 ngày

1 năm nhuận = 366 ngày

1 giờ = 60 phút

1 phút = 60 giây

Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ I

Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ

II

Từ năm 201 đến năm 300 là thế kỉ III ...

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ 20 (thế kỉ XX)

Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt (thế kỉ XXI)

4. Một số đơn vị đo diện tích

$1\text{ dm}^2 = 100\text{ cm}^2$

$1\text{ m}^2 = 100\text{ dm}^2 = 10\ 000\text{ cm}^2$

$1\text{ cm}^2 = 100$

mm^2

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

3 yến 8 kg = kg

200 yến = tấn

5 tạ 7 yến = kg

11 tấn 3 yến = yến

3 tấn 2 tạ = kg

6028 kg = tấn kg

$7 \text{ tấn } 6 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$\frac{3}{8} \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$7 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$4 \text{ giờ } 10 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$3 \text{ phút } 28 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$5 \text{ ngày } 2 \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{ giờ}$

$3 \text{ thế kỉ} = \dots\dots\dots \text{ năm}$

$315 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giờ } \dots\dots\dots \text{ phút}$

$2 \text{ thế kỉ } 25 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{ năm}$

$145 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ phút } \dots\dots\dots \text{ giây}$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$115 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$32000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$34 \text{ dm}^2 \text{ } 12 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$46000 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$5 \text{ m}^2 \text{ } 28 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$3170 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2 \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$19 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$36 \text{ } 007 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2 \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

Câu 4. Điền dấu >, <, =

$8 \text{ tấn } 45 \text{ kg} \dots\dots\dots 8045 \text{ kg}$

$4 \text{ tấn} \dots\dots\dots 45 \text{ tạ}$

$\frac{2}{5} \text{ phút} \dots\dots\dots 25 \text{ giây} \quad 30 \text{ m}^2 \text{ } 20 \text{ dm}^2 \dots\dots\dots 30 \text{ } 020 \text{ dm}^2$

$6 \text{ dm}^2 \text{ } 62 \text{ mm}^2 \dots\dots\dots 600 \text{ } 062 \text{ cm}^2 \quad 2 \text{ m}^2 \text{ } 3 \text{ dm}^2 \dots\dots\dots 20 \text{ } 003 \text{ cm}^2$

Câu 5. Tổng cân nặng của voi bố, voi mẹ và voi con là 13 tấn. Tổng cân nặng của voi bố và voi mẹ là 110 tạ. Hỏi voi con nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Câu 6. Viết tiếp vào chỗ chấm cho phù hợp:

a) Đại thi hào Nguyễn Du sinh năm 1766, năm đó thuộc thế kỉ

b) Ngô Quyền sinh năm 898, năm đó thuộc thế kỉ

c) Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ

d) Nhà giáo Chu Văn An sinh năm 1292, năm đó thuộc thế kỉ

Câu 7. Sở thú được xây dựng vào năm 1980. Hỏi sở thú tổ chức kỉ niệm 43 năm thành lập vào thế kỉ nào?

Câu 8. Các bạn thả chạy ba vòng quanh sân hết 3 phút 30 giây. Hỏi nếu chạy như thế năm vòng quanh sân thì các bạn thả cần bao nhiêu giây?

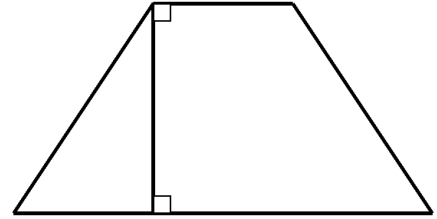
Câu 9. Một đoàn xe chở thức ăn cho sở thú gồm hai loại xe tải lớn và xe tải nhỏ. Mỗi xe tải lớn chở được 15 bao, mỗi bao nặng 1 tạ. Mỗi xe tải nhỏ chở được 10 bao, mỗi bao nặng 8 yến. Hỏi mỗi xe tải lớn chở nhiều hơn xe tải nhỏ bao nhiêu ki-lô-gam thức ăn?

CHỦ ĐỀ 3. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

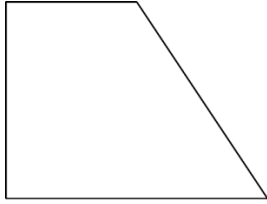
Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Hình vẽ bên có:

- A. Hai góc vuông, 1 góc tù
- B. 2 góc vuông, 2 góc nhọn
- C. 3 góc vuông, 1 góc tù, 3 góc nhọn
- D. 3 góc vuông, 1 góc tù, 2 góc nhọn



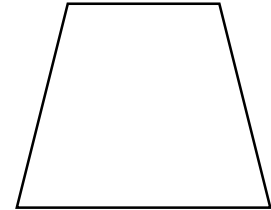
Câu 2: Trong các hình sau, hình nào là hình bình hành?



Hình A



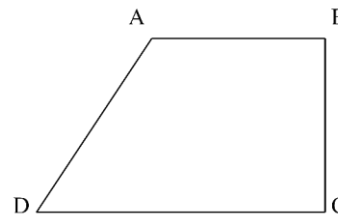
Hình B



Hình C

Câu 3: Trong hình bên, cặp cạnh song song với nhau là:

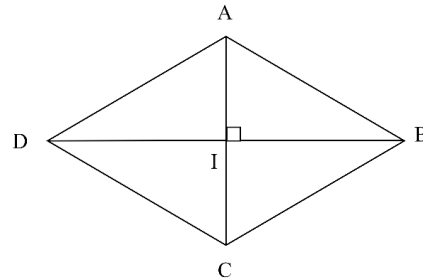
- A. AB và BC
- B. AD và BC
- C. AB và DC
- D. BC và CD



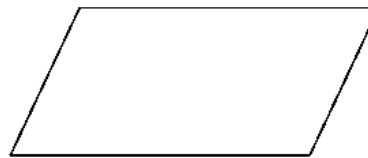
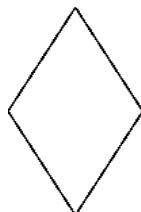
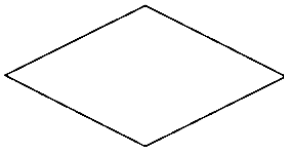
Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Trong hình tứ giác ABCD có:

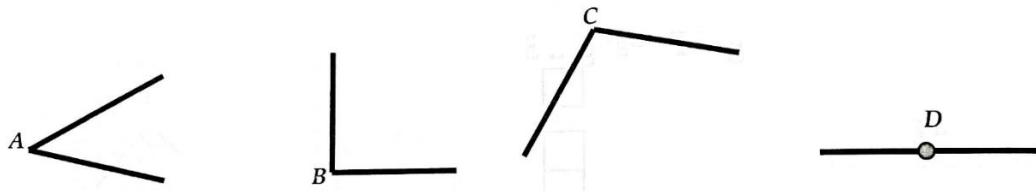
- a. ID vuông góc với IA
- b. ID vuông góc với IC
- c. ID vuông góc với IB
- d. ID vuông góc với DA



Câu 5: Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



Câu 6: Trong hình vẽ bên, góc tù là:

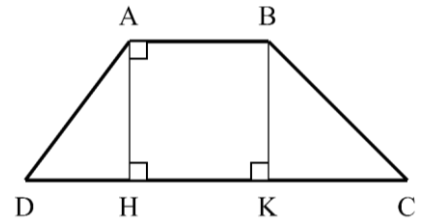


- A. Góc đỉnh A
đỉnh B
- B. Góc đỉnh C
- C. Góc đỉnh D
- D. Góc

Phần II: Tự luận

Bài 1: Viết tiếp vào chỗ chấm:

- BK song song với và vuông góc với
- AB song song với và vuông góc với
- Trong hình bên có ...góc vuông, góc nhọn



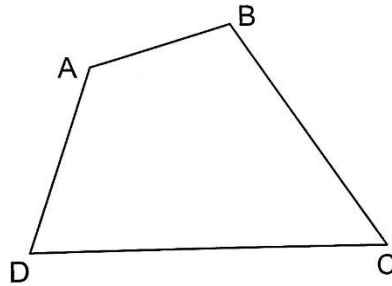
Bài 2: Vẽ đường thẳng đi qua A và song song với đường thẳng cho trước



Bài 3:

Trong mỗi hình bên		
Có góc vuông là	Góc vuông đỉnh M; cạnh MP, MO
Có góc nhọn là
Có góc tù là
Có góc bẹt là

Bài 4: Cho hình tứ giác ABCD. Hãy vẽ đường thẳng đi qua A vuông góc với DC tại M và đường thẳng đi qua B vuông góc với DC tại N.



CHỦ ĐỀ 4. ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ

DẠNG 1 : PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

Bài 1. Viết mỗi phân số dưới đây dưới dạng thương và tính thương theo mẫu:

Mẫu: $\frac{16}{4} = 16 : 4 = 4$

$$\frac{26}{13} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{299}{23} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{257}{31} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{36}{12} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{301}{7} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{861}{41} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{936}{36} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{495}{45} = \dots\dots\dots$$

Bài 2. Viết mỗi số sau dưới dạng phân số:

$$3 = \dots\dots\dots; \quad 34 = \dots\dots\dots; \quad 13 = \dots\dots\dots; \quad 25 = \dots\dots\dots; \quad 387 = \dots\dots\dots$$

$$100 = \dots\dots\dots; \quad 0 = \dots\dots\dots; \quad 456 = \dots\dots\dots; \quad 57 = \dots\dots\dots; \quad 32 = \dots\dots\dots$$

DẠNG 2 : SO SÁNH PHÂN SỐ

Bài 3. So sánh phân số với 1:

$$\frac{2}{5} \dots\dots 1;$$

$$\frac{7}{5} \dots\dots 1;$$

$$\frac{5}{3} \dots\dots 1;$$

$$\frac{42}{36} \dots\dots 1;$$

$$\frac{4}{6} \dots\dots 1;$$

$$\frac{13}{13} \dots\dots 1;$$

$$\frac{75}{23} \dots\dots 1;$$

$$\frac{24}{37} \dots\dots 1;$$

Bài 4

So sánh các phân số bằng hai cách khác nhau:

a) $\frac{7}{8}$ và $\frac{7}{10}$;

b) $\frac{16}{5}$ và $\frac{16}{7}$;

c) $\frac{6}{7}$ và 1 ;

d) $\frac{15}{11}$ và 1 ;

e) $\frac{4}{9}$ và $\frac{9}{4}$;

g) $\frac{11}{10}$ và $\frac{10}{11}$.

Bài 5

Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) $\frac{12}{25}$; $\frac{8}{25}$; $\frac{24}{25}$; $\frac{9}{25}$.
 b) $\frac{7}{3}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{7}{26}$; $\frac{7}{8}$.
 c) $\frac{14}{15}$; $\frac{23}{30}$; $\frac{9}{10}$; $\frac{3}{5}$.
 d) $\frac{14}{15}$; $\frac{11}{18}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{11}{15}$.

Bài 6: Tìm các giá trị số tự nhiên khác 0 thích hợp của x để có:

a) $\frac{x}{5} < \frac{4}{5}$; b) $\frac{x}{17} < \frac{2}{17}$.

Bài 7: Tìm các giá trị số tự nhiên khác 0 thích hợp của x để có:

$1 < \frac{x}{7} < \frac{10}{7}$.

Bài 8. So sánh hai phân số cùng mẫu số:

a/ $\frac{1}{5}$ và $\frac{2}{5}$ b/ $\frac{3}{7}$ và $\frac{5}{7}$ c/ $\frac{7}{12}$ và $\frac{9}{12}$ d/ $\frac{12}{13}$ và $\frac{10}{13}$ e/ $\frac{3}{8}$ và $\frac{3}{8}$ g/ $\frac{21}{9}$ và $\frac{23}{9}$ h/

$\frac{36}{34}$ và $\frac{32}{34}$

Bài 9. So sánh các phân số sau với 1:

$\frac{1}{4}$; $\frac{3}{7}$; $\frac{9}{5}$; $\frac{7}{3}$; $\frac{14}{5}$; $\frac{18}{18}$; $\frac{13}{21}$

Bài 10. So sánh hai phân số khác mẫu số:

a/ $\frac{1}{5}$ và $\frac{2}{3}$ b/ $\frac{3}{7}$ và $\frac{5}{8}$ c/ $\frac{7}{6}$ và $\frac{3}{4}$ d/ $\frac{9}{8}$ và $\frac{8}{9}$

e/ $\frac{7}{5}$ và $\frac{7}{6}$ g/ $\frac{3}{4}$ và $\frac{2}{5}$ h/ $\frac{4}{7}$ và $\frac{5}{6}$ i/ $\frac{6}{13}$ và $\frac{5}{11}$

Bài 11. So sánh các phân số sau:

a/ $\frac{7}{9}$ và $\frac{2}{3}$; b/ $\frac{4}{10}$ và $\frac{11}{20}$; c/ $\frac{4}{25}$ và $\frac{3}{75}$; d/ $\frac{4}{25}$ và $\frac{5}{100}$;

e/ $\frac{17}{60}$ và $\frac{4}{5}$; g/ $\frac{5}{9}$ và $\frac{7}{36}$; h/ $\frac{2}{10}$ và $\frac{9}{5}$; i/ $\frac{53}{16}$ và $\frac{3}{4}$

Bài 12. So sánh các phân số sau:

a/ $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{4}$ và $\frac{1}{5}$ a/ $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$ và $\frac{1}{4}$ c/ $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{4}$ và $\frac{1}{12}$ d/ $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{5}$ và $\frac{1}{15}$ e/ $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{4}$ và $\frac{1}{8}$

Bài 13. So sánh hai phân số cùng tử số:

a/ $\frac{1}{5}$ và $\frac{1}{3}$ b/ $\frac{3}{7}$ và $\frac{3}{8}$ c/ $\frac{3}{5}$ và $\frac{3}{4}$ d/ $\frac{8}{7}$ và $\frac{8}{9}$ e/ $\frac{7}{5}$ và $\frac{7}{6}$ g/ $\frac{2}{4}$ và $\frac{2}{5}$ h/ $\frac{4}{7}$ và $\frac{4}{6}$ i/ $\frac{6}{13}$ và $\frac{6}{11}$

DẠNG 3 : RÚT GỌN PHÂN SỐ

Bài 14. Rút gọn các phân số sau

Ví dụ: Rút gọn phân số $\frac{25}{75}$

25 và 75 cùng chia hết cho 5 nên $\frac{25}{75} = \frac{25:5}{75:5} = \frac{5}{25} = \frac{5:5}{25:5} = \frac{1}{5}$

$$\begin{array}{l} \frac{35}{75} = \dots\dots\dots; \quad \frac{12}{36} = \dots\dots\dots; \\ \frac{45}{50} = \dots\dots\dots; \quad \frac{25}{100} = \dots\dots\dots; \\ \frac{64}{124} = \dots\dots\dots; \quad \frac{72}{405} = \dots\dots\dots; \\ \frac{27}{51} = \dots\dots\dots; \quad \frac{24}{84} = \dots\dots\dots; \\ \frac{13}{26} = \dots\dots\dots; \quad \frac{15}{45} = \dots\dots\dots; \end{array}$$

Bài 15. Rút gọn các phân số:

a/ $\frac{4}{6}; \frac{12}{8}; \frac{15}{25}; \frac{11}{22}; \frac{36}{10}; \frac{75}{36}$

b/ $\frac{5}{10}; \frac{9}{72}; \frac{75}{300}; \frac{15}{35}; \frac{4}{100}; \frac{23}{46}$

Bài 16. Rút gọn các phân số: $\frac{14}{28}; \frac{25}{50}; \frac{48}{30}; \frac{81}{54}$

Bài 17. Trong các phân số sau đây, phân số nào bằng $\frac{2}{3}$

$$\frac{20}{30}; \frac{8}{9}; \frac{8}{12}; \frac{15}{18}$$

Bước 1: rút gọn các phân số chưa tối giản:

Bước 2: Kết luận các phân số bằng $\frac{2}{3}$

Bài 18. Trong các phân số sau đây, phân số nào bằng $\frac{25}{100}$

$$\frac{50}{150}; \frac{5}{20}; \frac{8}{32}$$

Bước 1: rút gọn các phân số chưa tối giản kể cả $\frac{25}{100}$

Bước 2: Kết luận các phân số bằng $\frac{25}{100}$

DẠNG 4: CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

Bài 19. Cộng hai phân số khác mẫu số:

a/ $\frac{1}{9} + \frac{2}{3}$ b/ $\frac{3}{4} + \frac{5}{8}$ c/ $\frac{7}{6} + \frac{3}{42}$ d/ $\frac{9}{18} + \frac{8}{9}$ e/ $\frac{7}{5} + \frac{7}{6}$ g/ $\frac{3}{20} + \frac{2}{5}$ h/ $\frac{6}{121} + \frac{5}{11}$

Bài 20. Một xe ô tô giờ đầu chạy được $\frac{3}{8}$ quãng đường, giờ thứ hai chạy được gấp đôi quãng đường giờ đầu. Hỏi sau hai giờ ô tô đó chạy được bao nhiêu phần của quãng đường?

Bài 21. Hai ô tô cùng chuyển gạo ở một kho. Ô tô thứ nhất chuyển được $\frac{2}{7}$ số gạo trong kho, ô tô thứ hai chuyển được $\frac{2}{21}$ số gạo trong kho. Hỏi cả hai ô tô chuyển được bao nhiêu phần số gạo trong kho ?

Bài 22. Trong một buổi sinh hoạt, chi đội lớp 4A có $\frac{3}{7}$ số đội viên tập hát và $\frac{2}{5}$ số đội viên tham gia đá bóng. Hỏi số đội viên tham gia cả hai hoạt động trên bằng bao nhiêu phần số đội viên của chi đội ?

Bài 23. Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{2}{5}$ m và chiều rộng $\frac{3}{10}$ m. Tính nửa chu vi hình chữ nhật đó.

Bài 24. Trừ hai phân số cùng mẫu số:

$$a/ a/ \frac{4}{5} - \frac{2}{5} \quad b/ \frac{6}{7} - \frac{5}{7} \quad c/ \frac{11}{12} - \frac{9}{12} \quad d/ \frac{12}{13} - \frac{10}{13} \quad e/ \frac{3}{8} - \frac{3}{8} \quad g/ \frac{28}{9} - \frac{23}{9} \quad h/ \frac{36}{34} - \frac{32}{34}$$

Bài 25. Tính

$$a/ \frac{11}{9} - \frac{2}{3}; \quad b/ \frac{13}{10} - \frac{11}{20}; \quad c/ \frac{4}{25} - \frac{3}{75}; \quad d/ \frac{4}{25} - \frac{5}{100}; \\ e/ \frac{63}{60} - \frac{4}{5}; \quad g/ \frac{5}{9} - \frac{7}{36}; \quad h/ \frac{17}{10} - \frac{9}{5}; \quad i/ \frac{53}{16} - \frac{3}{4}$$

Bài 26. Trong một công viên có $\frac{6}{7}$ diện tích đã trồng hoa và cây xanh, trong đó $\frac{2}{21}$ diện tích của công viên đã trồng hoa. Hỏi diện tích để trồng cây xanh là bao nhiêu phần diện tích của công viên?

Bài 27. Trong một ngày thời gian để học và ngủ của bạn Nam là $\frac{5}{8}$ ngày, trong đó thời gian học của Nam là $\frac{1}{4}$ ngày. Hỏi thời gian ngủ của bạn Nam là bao nhiêu phần của một ngày ?

DẠNG 7: TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

Bài 1. Một lớp học có 35 học sinh, trong đó $\frac{3}{5}$ số học xếp loại khá. Tính số học sinh xếp loại khá của lớp đó.

Bài 2. Một sân trường hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích của sân trường đó.

Bài 3. Lớp 4A có 16 học sinh nam và số học sinh nữ bằng $\frac{9}{8}$ số học sinh nam. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh ?

Bài 4. Một sân trường hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích của sân trường đó.

Bài 5. Một cửa hàng có 50 kg đường. Buổi sáng bán 10 kg đường, buổi chiều bán $\frac{3}{8}$ số đường còn lại. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Bài 6. Quãng đường từ nhà anh Hải đến thị xã dài 15km. Anh Hải đi từ nhà ra thị xã, khi đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường thì dừng lại nghỉ một lúc. Hỏi anh Hải còn phải đi tiếp bao nhiêu ki-lô-mét nữa thì đến thị xã ?

Bài 7. Có một kho chứa xăng. Lần đầu người ta lấy ra 32 850 lít xăng, lần sau lấy ra bằng $\frac{1}{3}$ lần đầu. Hỏi lúc đầu trong kho có bao nhiêu lít xăng ?

Bài 8. Mẹ 49 tuổi, tuổi con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi mẹ. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

Bài 9. Mẹ 36 tuổi, tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ hỏi bao nhiêu năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{3}$ tuổi mẹ?

Bài 10. Bác An có một thửa ruộng. Trên thửa ruộng ấy bác dành $\frac{1}{2}$ diện tích để trồng rau. $\frac{1}{3}$ Để đào ao phần **còn lại** dành làm đường đi. Biết diện tích làm đường đi là $30m^2$. Tính diện tích thửa ruộng.

Bài 11. Trong đợt kiểm tra học kì vừa qua ở khối 4 thầy giáo nhận thấy. $\frac{1}{2}$ Số học sinh đạt điểm giỏi, $\frac{1}{3}$ số học sinh đạt điểm khá, $\frac{1}{10}$ số học sinh đạt trung bình còn lại là số học sinh đạt điểm yếu. Tính số học sinh đạt điểm yếu biết số học sinh giỏi là 45 em.

Bài 12. Hai kho có 360 tấn thóc. Nếu lấy $\frac{1}{3}$ số thóc ở kho thứ nhất và $\frac{2}{5}$ số thóc ở kho thứ 2 thì số thóc còn lại ở 2 kho bằng nhau.

1. Tính số thóc lúc đầu mỗi kho.
2. Hỏi đã lấy ra ở mỗi kho bao nhiêu tấn thóc.

Bài 13. Hai bể chứa 4500 lít nước. người ta tháo ở bể thứ nhất $\frac{2}{5}$ bể. Tháo ở bể thứ hai là $\frac{1}{4}$ bể thì số nước còn lại ở hai bể bằng nhau. Hỏi mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước.

Bài 14. Hai bể chứa 4500 lít nước. người ta tháo ở bể thứ nhất 500 lít. Tháo ở bể thứ hai là 1000 lít thì số nước còn lại ở hai bể bằng nhau. Hỏi mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước.

CHỦ ĐỀ 5. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I/ Kiến thức cần nhớ

Muốn tìm trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi đem tổng vừa tính chia cho số các số hạng.

Phương pháp giải bài toán trung bình cộng:

Bước 1: Xác định các số hạng có trong bài toán.

Bước 2: Tính tổng các số hạng vừa tìm được.

Bước 3: Trung bình cộng = Tổng các số hạng vừa tìm được : số các số hạng có trong bài toán.

II/ Các dạng bài tập

II.1/ Dạng 1: Tìm số trung bình cộng

1. Phương pháp giải

Muốn tìm trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi đem tổng vừa tính chia cho số các số hạng.

Phương pháp giải bài toán trung bình cộng:

Bước 1: Xác định các số hạng có trong bài toán.

Bước 2: Tính tổng các số hạng vừa tìm được.

Bước 3: Trung bình cộng = Tổng các số hạng vừa tìm được : số các số hạng có trong bài toán.

2. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Tìm trung bình cộng của các số sau: 10, 25, 45, 60, 5 a, $6412 + 513 \times m$ với $m = 7$; b, $28 \times a + 22 \times a$ với $a = 5$.

Lời giải:

Trung bình cộng của 5 số là: $(10 + 25 + 45 + 60 +$

$15) : 5 = 31$ **Ví dụ 2:** Tìm trung bình cộng của các

dãy số sau: a, 1, 2, 3, 4, 5,, 99, 100, 101 b, 1,

5, 9, 13,, 241, 245

Lời giải:

Dãy số: 1, 2, 3, 4, 5,, 99, 100, 101 là dãy số cách đều

Trung bình cộng của dãy số trên là:

$$(1 + 101) : 2 = 51$$

Đáp số: 51

b, 1, 5, 9, 13,, 241, 245

Dãy số: 1, 5, 9, 13,, 241, 245 là dãy số cách

đều Trung bình cộng của dãy số trên là:

$$(1 + 245) : 2 = 123$$

Đáp số: 123

Ví dụ 3: Tìm ba số tự nhiên, biết hai số liền nhau hơn kém nhau 70 đơn vị và trung bình cộng của ba số đó là 140?

Lời giải:

3 số cần tìm là: $a, a + 70, a +$

140 Trung bình cộng là:

$$(a + a + 140) : 2 = 140$$

$$2 \times a + 140 = 140 \times 2$$

$$2 \times a + 140 = 280$$

$$2 \times a =$$

$$280 -$$

$$140 \times 2 =$$

$$a = 140$$

$$a = 140$$

$$: 2 \quad a =$$

$$70$$

Vậy 3 số cần tìm là: 70 ; 140; 280

II.2/ Dạng 2: Các bài toán có lời văn về trung bình cộng

1. Phương pháp giải

Muốn tìm trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi đem tổng vừa tính chia cho số các số hạng.

Phương pháp giải bài toán trung bình cộng:

Bước 1: Xác định các số hạng có trong bài toán.

Bước 2: Tính tổng các số hạng vừa tìm được.

Bước 3: Trung bình cộng = Tổng các số hạng vừa tìm được : số các số hạng có trong bài toán.

2. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Trung bình cộng số tuổi của bố, mẹ và Hoa là 30 tuổi. Nếu không tính tuổi bố thì trung bình cộng số tuổi của mẹ và Hoa là 24. Hỏi bố Hoa bao nhiêu tuổi?

Lời giải:

Tổng số tuổi của ba người là:

$$30 \times 3 = 90 \text{ (tuổi)}$$

Tổng số tuổi của mẹ và Hoa là:

$$24 \times 2 = 48 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của bố Hoa là:

$$90 - 48 = 42 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 42 tuổi

Ví dụ 2: Khối Bốn của một trường tiểu học có 3 lớp, trong đó lớp 4A có 25 học sinh, lớp 4B có 27 học sinh, lớp 4C có số học sinh bằng trung bình cộng số học sinh của hai lớp 4A và 4B.

Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

Lời giải:

Số học sinh lớp 4C là:

$$(25 + 27) : 2 = 26 \text{ (học sinh)}$$

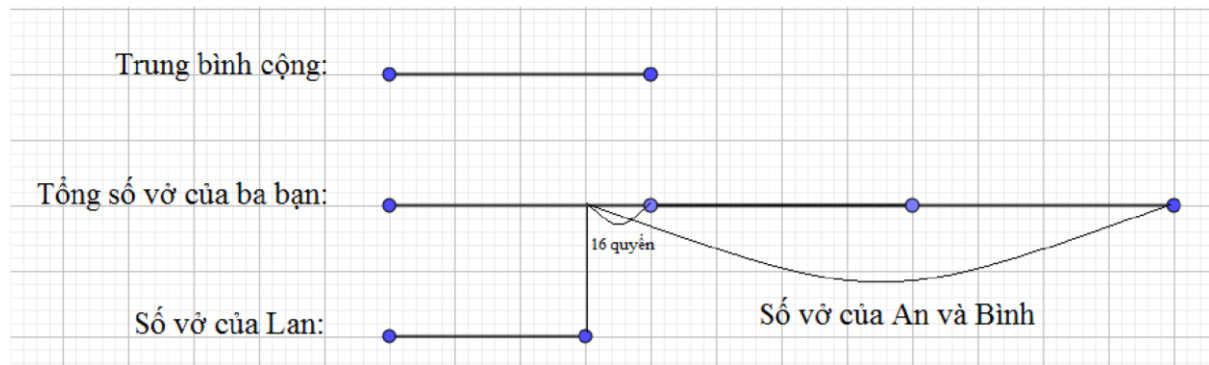
Trung bình mỗi lớp có số học sinh là:

$$(25 + 27 + 26) : 3 = 26 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 26 học sinh.

Ví dụ 3: An có 120 quyển vở, Bình có 78 quyển vở. Lan có số quyển vở kém trung bình cộng của ba bạn là 16 quyển. Hỏi Lan có bao nhiêu quyển vở?

Lời giải:



2 lần trung bình cộng số vở của ba bạn là:

$$120 + 78 - 16 = 182 \text{ (quyển vở)}$$

Trung bình cộng số vở của ba bạn là:

$$182 : 2 = 91 \text{ (quyển vở)}$$

Số vở của Lan là:

$$91 - 16 = 75 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: 75 quyển vở

III. Bài tập vận dụng

Bài 1: Đội I sửa được 45m đường, đội II sửa được 49m đường. Đội III sửa được số mét đường bằng trung bình cộng số mét đường của đội I và đội II đã sửa. Hỏi cả ba đội sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài 2: Lần thứ nhất lấy ra 15 lít dầu; lần thứ 2 lấy nhiều hơn lần thứ nhất 9 lít dầu; lần thứ 3 lấy ít hơn tổng 2 lần trước 6 lít dầu. Hỏi trung bình mỗi lần lấy ra bao nhiêu lít dầu?

Bài 3: Trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai là 39. Trung bình cộng của số thứ hai và số thứ ba là 30. Trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ ba là 36. Tìm ba số đó?

Bài 4: Một cửa hàng bán gạo, ngày thứ nhất bán được 12 yến gạo; ngày thứ 2 bán được 9 yến gạo; ngày thứ 3 bán được nhiều hơn ngày đầu 3 yến gạo. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu yến gạo?

Bài 5: Nhà bạn An thu hoạch được 75kg lạc. Nhà bạn Ngọc thu được nhiều hơn nhà bạn An

10 kg lạc. Nhà bạn Huệ thu được nhiều hơn trung bình cộng của nhà An và Ngọc là 15kg lạc. Hỏi mỗi nhà thu hoạch trung bình được bao nhiêu ki-lô-gam lạc?

Bài 6: Tìm 5 số lẻ liên tiếp biết trung bình cộng của chúng bằng 2011.

Bài 7: Một đội xe hàng, hai xe đầu mỗi xe chở được 2 tấn 5 tạ gạo, ba xe sau mỗi xe chở được 2150kg gạo. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 8: Hai quây lương thực cùng nhập về một số gạo. Trung bình mỗi quây nhập 325kg gạo. Nếu quây thứ nhất nhập thêm 30kg, quây thứ hai nhập thêm 50kg thì số gạo ở 2 quây bằng nhau. Tính xem mỗi quây nhập được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 9: Trung bình cộng của 2 số là 39. Nếu viết thêm chữ số 7 vào bên trái số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

Bài 10: Tìm 6 số chẵn liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 2014.

Bài 11: Tìm ba số lẻ liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 253.

Bài 12: Kho A có 10500kg thóc, kho B có 14700kg thóc, kho C có số thóc bằng trung bình cộng số thóc cả 3 kho. Hỏi kho C có bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài 13: Thùng thứ nhất 75 lít dầu, thùng thứ hai có 78 lít dầu. Thùng thứ ba có nhiều hơn trung bình cộng số dầu của cả ba thùng là 3 lít dầu. Hỏi thùng thứ ba có bao nhiêu lít dầu?

Bài 14: Một đội xe chở hàng, 2 xe đầu mỗi xe chở được 35 tạ hàng, 3 xe sau mỗi xe chở được 45 tạ hàng. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu tạ hàng?

CHỦ ĐỀ 6. RÚT VỀ ĐƠN VỊ

Dạng 1. Giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị bằng phép tính chia, nhân

+ **Bước 1:** Tìm giá trị một đơn vị (giá trị một phần trong các phần bằng nhau).
Thực hiện phép chia.

+ **Bước 2:** Tìm giá trị của nhiều đơn vị cùng loại (giá trị của nhiều phần bằng nhau). Thực hiện phép nhân.

Ví dụ 1: Có 9 thùng dầu như nhau chứa 414 lít. Hỏi 6 thùng dầu như thế chứa bao nhiêu lít dầu?

Tóm tắt: 9 thùng: 414lít

6 thùng : ? lít

Bài giải

Số lít dầu chứa trong một thùng là: $414 : 9 = 46$ (l)

Số lít dầu chứa trong 6 thùng là: $46 \times 6 = 276$ (l)

Đáp số: 276 lít

Dạng 2. Giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị giải bằng 2 phép tính chia:

+ **Bước 1:** Tìm giá trị 1 đơn vị (giá trị 1 phần - Đây là bước rút về đơn vị, thực hiện phép chia).

+ **Bước 2:** Tìm số phần (số đơn vị - phép chia).

Ví dụ 2: Có 72 kg gạo đựng đều trong 8 bao. Hỏi 54 kg gạo đựng đều trong bao nhiêu bao như thế?

Tóm tắt: 72 kg gạo: 8 bao

54 kg gạo: ? bao

Bài giải

Số gạo đựng trong mỗi bao là: $72 : 8 = 9$ (kg)

Số bao chứa 54 kg gạo là: $54 : 9 = 6$ (bao)

Đáp số: 6 bao

Bài tập tự luyện

Bài 1: Có 8 bao gạo đựng tất cả 448 kg gạo. Hỏi có 5 bao gạo như thế nặng bao nhiêu kg?

Bài 2: Một cửa hàng có 6 thùng nước mắm như nhau chứa tổng cộng 54 lít. Cửa hàng đã bán hết 36 lít. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu thùng nước mắm?

Bài 3: Lúc đầu có 5 xe tải chở tổng cộng 210 bao đường vào kho, sau đó có thêm 3 xe nữa chở đường vào kho. Hỏi có tất cả bao nhiêu bao đường được chở vào kho? (Biết các xe tải chở số bao đường bằng nhau)

Bài 4: Một cửa hàng có 6 hộp bút chì như nhau đựng tổng cộng 144 cây bút chì, cửa hàng đã bán hết 4 hộp bút chì. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu cây bút chì?

Bài 5: Lan có 6 hộp kẹo, Lan cho bạn 24 viên kẹo thì Lan còn lại 4 hộp kẹo nguyên. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu viên kẹo?

Bài 6: Một cửa hàng nhập về 168 bao đường và chia đều vào 3 kho, sau đó lại nhập thêm vào mỗi kho 16 bao đường và bán hết số bao đường trong 2 kho. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu bao đường?

Bài 7: An có 64 viên bi chia đều thành 8 hộp, Bình có 48 viên bi cũng được chia vào các hộp như An. Hỏi Bình có ít hơn An bao nhiêu hộp bi?

Bài 8: Biết rằng cứ 5 gói kẹo như nhau thì đếm được 40 viên . Hỏi muốn chia cho 36 em thiếu nhi, mỗi em 6 viên kẹo thì phải mua tất cả bao nhiêu gói kẹo?

Bài 9: Một cửa hàng có một số thùng dầu như nhau chứa tổng cộng 72 lít, người ta thêm vào số dầu đó 3 thùng thì số dầu có tất cả là 99 lít . Hỏi lúc đầu cửa hàng có bao nhiêu thùng dầu?

Bài 10: Có 7 thùng dầu , mỗi thùng có 12 lít. Nếu lấy số dầu trên chia đều vào các thùng 4 lít thì chia được bao nhiêu thùng?

Bài 11: Có 9 hộp kẹo như nhau chứ tổng cộng 144 viên kẹo, người ta chia cho các em thiếu nhi, mỗi em 4 viên thì hết 8 hộp. Hỏi có bao nhiêu em thiếu nhi được chia kẹo?

Bài 12. 7 bao xi măng nặng 350kg. Mỗi vỏ bao nặng 200g. 5 bao xi măng như thế có khối lượng xi măng là bao nhiêu kilôgam?

Bài 13. Có 360 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 3 ngăn. Biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau. Số sách ở mỗi ngăn có là bao nhiêu quyển?

Bài 14. Có 234kg đường chia đều vào 6 túi. 8 túi như vậy có số đường là bao nhiêu ?

CHỦ ĐỀ 7: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

Phương pháp giải:

Cách 1: Số lớn = (tổng + hiệu) : 2
hiệu) : 2

Số bé = Số lớn – hiệu = Tổng – số lớn
– số bé

Cách 2: Số bé = (tổng –

Số lớn = Số bé + hiệu = Tổng

Bài tập tự luyện:

Bài 1. Cả hai ngày cửa hàng bán được 458 tạ gạo. Hỏi mỗi ngày cửa hàng đó bán bao nhiêu tạ gạo. Biết ngày thứ nhất bán được nhiều hơn ngày thứ hai 24 tạ gạo.

Bài 2. Hai thửa ruộng thu hoạch được tất cả 2 tấn 56kg thóc. Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch nhiều hơn thửa ruộng thứ hai là 3 tạ. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu kg thóc.

Bài 3. Trung bình cộng số học sinh của hai lớp 4A và 4B là 39 em. Số học sinh lớp 4A ít hơn số học sinh lớp 4B là 6 em. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài 4. Bố hơn con 31 tuổi, biết rằng bốn năm nữa tổng số tuổi của hai bố con là 51 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Bài 5. Một nhà máy có hai tổ công nhân, tổ Một có nhiều hơn tổ Hai 18 công nhân, biết rằng nếu nhà máy có thêm 8 công nhân thì nhà máy sẽ có 100 công nhân. Hỏi mỗi tổ công nhân có bao nhiêu người?

Bài 6. Hồng có nhiều hơn Huệ 16 000 đồng. Nếu Hồng có thêm 5 000 đồng và Huệ có thêm 11 000 đồng thì cả hai bạn sẽ có tất cả 70 000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

Bài 7. An và Bình có 70 viên bi, biết rằng nếu Bình có thêm 16 viên bi thì hai bạn có số bi bằng nhau. Hỏi ban đầu mỗi bạn có bao nhiêu bi?

Bài 8. Hai bao gạo cân nặng tổng cộng 147kg, biết rằng nếu lấy ra ở bao gạo thứ nhất 5kg và bao gạo thứ hai 22kg thì số gạo còn lại ở hai bao gạo bằng nhau. Hỏi mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 9. Tìm hai số lẻ có tổng bằng 176, biết rằng ở giữa chúng còn có 4 số lẻ.

Bài 10. Hai hộp bi có tổng cộng 155 viên bi, biết rằng nếu thêm vào hộp bi thứ nhất 8 viên bi và thêm vào hộp thứ hai 17 viên bi thì hai hộp có số bi bằng nhau. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu viên bi?

Bài 11. Tìm hai số chẵn có tổng bằng 220, biết rằng ở giữa chúng có 3 số chẵn.

Bài 12. Dũng và Minh có tổng cộng 64 viên bi. Nếu Dũng cho Minh 8 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

MÔN TIẾNG VIỆT

Bài 1: Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu văn sau. Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm.

Trước mặt Minh, đầm sen **rộng mênh mông**. **Những bông sen trắng, sen hồng** khê đu đưa nổi bật trên nền lá xanh mượt, giữa đầm, bác **Tâm** đang bơi thuyền đi hái hoa sen. Bác **cẩn thận ngắt từng bông**, bó thành từng bó, ngoài **bọc một chiếc lá rồi để nhẹ vào lòng thuyền**.

Bài 2: Gạch dưới những tính từ trong các đoạn văn sau:

a. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, ra mắt đồng bào. Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo ka ki cao cổ, đi dép cao su trắng. Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Lời nói can cụ điềm đạm, trầm ấm, khúc chiết, rõ ràng.

b. Sáng sớm, trời quang hẳn ra. đêm qua một bàn tay nào đã gội rửa vòm trời sạch bóng. Màu mây xám đã nhường chỗ cho một màu trắng phớt xanh như màu men sứ. Đàng đông, phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi, ai đã ném lên bốn năm mảng mây hồng to tướng, lại điểm xuyết thêm ít nét mây mờ gà vút dài thanh mảnh.

Bài 3 :

Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây :

- Anh ấy đang suy nghĩ.
- Những suy nghĩ của anh ấy rất sâu sắc.
- Anh ấy sẽ kết luận sau.
- Những kết luận của anh ấy rất chắc chắn.
- Anh ấy wớc mơ nhiều điều.
- Những wớc mơ của anh ấy thật lớn lao.

Bài 4: Gạch chân dưới những từ viết sai quy tắc viết hoa trong các tên cơ quan đơn vị dưới đây và sửa lại cho đúng

- Liên minh quốc tế cứu trợ trẻ em
- Tổ chức ân xá Quốc tế
- tổ chức Cứu trợ trẻ em của Thụy điển
- Đại hội đồng Liên Hợp Quốc

Bài 5: Viết lại tên các cơ quan, đơn vị sau đây cho đúng quy tắc viết hoa đã học

- a) trường tiểu học chu văn an /.....
- b) trường mầm non hoa hồng /.....
- c) trường đại học sư phạm hà nội /.....

d) nhà xuất bản kim đồng /

Bài 6: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

Anh em mèo trắng
Vác giỏ đi câu
Em ngồi bờ ao
Anh ra sông cái
Hiu hiu gió thổi
Buồn ngủ quá chùng
Mèo anh ngả lưng
Ngủ luôn một giấc

Thái Hoàng Linh

- Bài thơ trên đã nhân hóa con vật nào?
- Con vật đó đã được nhân hóa bằng cách nào?
- Việc sử dụng biện pháp nhân hóa như vậy có tác dụng gì?

Bài 7: Tìm CN, VN, trạng ngữ của các câu văn sau:

Cá Chuối mẹ lại bơi về phía bờ, rạch lên rìa nước, nằm chờ đợi. Bỗng nhiên, nghe như có tiếng bước chân rất nhẹ, Cá Chuối mẹ nhìn ra, thấy hai con mắt xanh lè của mẹ mèo đang lại gần. Cá Chuối mẹ lấy hết sức định nhảy xuống nước. Mẹ mèo đã nhanh hơn, lao phấp tới cắn vào cổ Cá Chuối mẹ. Ở dưới nước, đàn cá chuối con chờ đợi mãi không thấy mẹ.

Bài 8 : Hãy đặt 3 câu khiến tương ứng với 3 tình huống sau :

- Mượn bạn một cuốn truyện tranh.
- Nhờ chị lấy hộ cốc nước.
- Xin bố mẹ cho con về quê thăm ông bà.

Bài 9: Chuyển các câu sau thành các loại câu hỏi, câu khiến, câu cảm:

- Cánh điều bay cao.
- Gió thổi mạnh.
- Mùa xuân về.

Bài 10: Tìm CN, VN và TN của những câu văn sau :

a) Vào một đêm cuối xuân 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà ven đường .

b) Ngoài suối , trên mấy cành cây cao, tiếng chim, tiếng ve cất lên inh ỏi, râm ran.

Bài 11 : Tìm CN, VN, TN của những câu sau :

a) Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói, tiếng cười rộn ràng, vui vẻ.

b) Hoa lá, quả chín, những vật nấm ẩm ướt và con suối chảy thềm dưới chân đua nhau tỏa hương.

c) Ngay thềm lãng, mùi tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm

Bài 12: Hãy nói các ví dụ ở cột A với tác dụng của dấu gạch ngang ở cột B sao cho thích hợp:

- Anh viết bài gì đấy?
- Tôi viết bài Dấu gạch ngang và Dấu gạch nối để gửi tạp chí Xuất bản Việt Nam.

Nói các từ ngữ trong một liên danh

Bài viết này đề cập đến các vấn đề sau:

- Khái niệm gạch ngang, gạch nối
- Phân biệt gạch ngang, gạch nối
- Lý do không nên nhầm lẫn giữa gạch ngang và gạch nối

Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói trực tiếp của nhân vật.

Chuyến xe Hà Nội – Hải Phòng sắp khởi hành.

Đánh dấu các ý trong đoạn liệt kê

Bài 13: Viết lại những câu văn dưới đây và sử dụng dấu ngoặc kép vào vị trí phù hợp

a. Chuyện hoa chuyện quả là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Phạm Hồ - tập hợp các truyện ngắn về nguồn gốc các loài hoa loài quả.

b. Có thể xếp Búp Sen Xanh vào nhóm tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi và là tác phẩm nổi tiếng nhất viết về chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt thời thơ ấu cho đến khi rời Việt Nam sang Pháp.

c. Nhắc đến Phùng Quán, người ta sẽ nhớ ngay tới một cây bút lạ kỳ trong nền văn học Việt Nam với một tác phẩm thiếu nhi vô cùng chân thực và xúc động về một thế hệ trẻ anh hùng, đó chính là Tuổi thơ dữ dội.

d. Kính Vạn Hoa là tác phẩm công phu nhất trong sự nghiệp của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, được trẻ em Việt Nam nhiều thế hệ yêu thích và đón nhận nồng nhiệt.

e. Truyện **Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ** của Nguyễn Ngọc Thuận là câu chuyện về một thế giới của cả trẻ con lẫn người lớn, được kể lại trong giọng kể của một cậu bé 10 tuổi.

Bài 14: Nêu tác dụng của dấu ngoặc đơn trong mỗi trường hợp dưới đây.

a) Tuy thế người con trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

b) Cốm (thường được gói trong lá sen) là món ăn làm từ thóc nếp non rang chín, giã sạch vỏ, có màu xanh và hương thơm

Bài 15: Tìm từ có tiếng **bình** điền vào chỗ chấm thích hợp trong câu sau

a. Anh ấy đãvô sự trở về.

b. Bạn ấy đã.....vượt qua các câu hỏi của chương trình.

c. Các mặt hàng đều có giákhông hề đắt đỏ chút nào

Bài 16: Làm các đề văn sau:

Đề 1: Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm mà em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ cảm xúc của em về hoạt động đó

Đề 2: Em hãy kể lại một câu chuyện có nhân vật chính là trẻ em

Đề 3: Tả một con vật mà em thích nhất.

Đề 4: Em hãy viết một bức thư cho người thân hoặc bạn bè ở xa để thăm hỏi và chúc mừng sinh nhật

Đề 5: Em hãy tả một cây ăn quả mà em thích nhất.

Bồ Đề, ngày 30 tháng 5 năm 2025

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHÔI TRƯỞNG

Bùi Thị Kim Thủy